TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/KDTM-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

2/ Ông Phạm Bá Chương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1264/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên C

Địa chỉ: Tầng A, tầng B Tòa nhà S đường N, phường X (trước đây là Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

Có người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K

Địa chỉ: Tầng A, tầng B Tòa nhà S đường N, phường X (trước đây là Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2025 của Công ty TNHH một thành viêC cho thuê tài chính Ngân hàng C)

2/ Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số B Đường D, phường P (trước đây là phường P, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy A - sinh năm 1983

Địa chỉ: B phường B, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là 226D Khu phố D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre)

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2024 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Công ty TNHH một thành viên C (sau đây gọi tắt là Công ty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) (trước đây là Công ty TNHH T1- sau đây viết tắt là Công ty T1) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C.

Do Công ty T1 có nhu cầu sử dụng xe ô tô tải tự đổ, máy đào bánh xích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết các hợp đồng cho thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021 để thuê 02 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, mang các biển kiểm soát AB, AC, giá trị tài sản thuê là 2.839.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 501.000.000 đồng). Thời hạn thuê 60 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 10%/năm áp dụng cho cả thời hạn thuê. Hằng tháng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty T1 có ký cược số tiền là 167.000.000 đồng. Ngày 08/4/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202104012/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty trách nhiệm hữu hạn ô tô Hàn Quốc và cho Công ty T1 thuê lại chính các tài sản này. Ngày 29/4/2021 Công ty T1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

- Hợp đồng số SBL010202105006 ký ngày 06/5/2021 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, mang biển kiểm soát XA, giá trị tài sản thuê là 1.365.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 455.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 10%/năm áp dụng cho cả thời hạn thuê. Hằng tháng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty T1 có ký cược số tiền là 91.000.000 đồng. Ngày 06/5/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202105006/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty cổ phần K1 và cho Công ty T1 thuê lại chính tài sản này. Ngày 10/5/2021 Công ty T1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

- Hợp đồng số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021 để thuê 02 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, mang các biển kiểm soát AD, AE, giá trị tài sản thuê là 2.839.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 501.000.000 đồng). Thời hạn thuê 60 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 10%/năm áp dụng cho cả thời hạn thuê. Hằng tháng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần

vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty T1 có ký cược số tiền là 167.000.000 đồng. Ngày 31/5/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202105051/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty trách nhiệm hữu hạn ô tô Hàn Quốc và cho Công ty T1 thuê lại chính các tài sản này. Ngày 16/6/2021 Công ty T1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

- Hợp đồng số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, mang biển kiểm soát XB, giá trị tài sản thuê là 1.776.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 592.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 10%/năm áp dụng cho cả thời hạn thuê. Hằng tháng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty T1 có ký cược số tiền là 118.400.000 đồng. Ngày 21/6/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202106021/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và cho Công ty T1 thuê lại chính tài sản này. Ngày 25/6/2021 Công ty T1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

- Hợp đồng số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, mang biển kiểm soát XN, giá trị tài sản thuê là 1.425.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 475.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 9,5%/năm áp dụng từ ngày nhận nợ đến hết ngày 31/3/2022, từ ngày 01/4/2022 đến hết thời hạn thuê lãi suất thuê là 10%/năm. Hằng tháng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty T1 có ký cược số tiền là 95.000.000 đồng. Ngày 11/10/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202110009/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và cho Công ty T1 thuê lại chính tài sản này. Ngày 14/10/2021 Công ty T1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

- Hợp đồng số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU, mang biển kiểm soát XC, giá trị tài sản thuê là 1.484.250.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 494.750.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 9,5%/năm áp dụng từ ngày nhận nợ đến hết ngày 31/3/2022, từ ngày 01/4/2022 đến hết thời hạn thuê lãi suất thuê là 10%/năm. Hằng tháng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty T1 có ký cược số tiền là 98.950.000 đồng. Ngày 28/10/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202110041/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và cho Công ty T1 thuê lại chính tài sản này. Ngày 02/11/2021 Công ty T1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Do Công ty T1 thay đổi tên doanh nghiệp nên ngày 06/7/2023, giữa Công ty C và Công ty T1 đã ký kết phụ lục hợp đồng để thay đổi tên bên thuê từ Công ty TNHH T1 thành Công ty TNHH T.

Quá trình thực hiện Hợp đồng số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021 thì trong tháng 8/2023 Công ty T đã bàn giao cho Công ty C 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, mang biển kiểm soát AB để bán thanh lý một phần nợ vay nên đối với hợp đồng này Công ty T còn thuê 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, mang biển kiểm soát AC

Quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Cụ thể:

Đối với Hợp đồng số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 5/2021 đến kỳ thanh toán tháng 02/2024 Công ty T chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 2.223.883.600 đồng và tiền lãi là 560.874.550 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 10/3/2024 Công ty T ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 6/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 Công ty T chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 1.466.817.700 đồng và tiền lãi là 576.380.500 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 15/02/2024 Công ty T ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 6/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 Công ty T chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 1.147.000.000 đồng và tiền lãi là 332.377.100 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 15/02/2024 Công ty T ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 11/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 Công ty T chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 801.562.500 đồng và tiền lãi là 253.205.600 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 20/02/2024 Công ty T ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 11/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 Công ty T chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 834.891.300 đồng và tiền lãi là 255.661.700 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 22/02/2024 Công ty T ngưng không thanh toán cho đến nay.

Ngày 06/6/2024, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt các hợp đồng và thu hồi tài sản, yêu cầu Công ty T giao trả tài sản thuê.

Đối với Hợp đồng số SBL010202105006 ký ngày 06/5/2021: Ngày 02/7/2025, Công ty T đã bàn giao 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, mang biển kiểm soát XA cho Công ty C để thanh lý tài sản, trả đầy đủ tiền thuê. Do đó, Công ty C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng này.

Đối với số tiền ký cược của các hợp đồng cho thuê tài chính Công ty T đã nộp, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 của các hợp đồng cho thuê tài chính nên Công ty C đã trích thanh toán nợ của các kỳ thanh toán tiền thuê. Số tiền ký cược còn lại đối với hợp đồng số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021 là 507.500 đồng, hợp đồng số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021 là 60.688.000 đồng, hợp đồng số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021 là 24.000.000 đồng, hợp đồng số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021 là 1.164.300 đồng, hợp đồng số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021 là 2.415.700 đồng. Tổng số tiền ký cược còn lại của các hợp đồng là 88.775.500 đồng, hiện nay Công ty C đang quản lý. Sau khi Công ty T thanh toán hết số tiền còn nợ thì Công ty C sẽ trả lại số tiền này cho Công ty T.

Tính đến hết ngày 29/8/2025, Công ty T còn nợ tổng số tiền chưa thanh toán là 4.754.589.800 đồng, trong đó nợ gốc là 3.889.094.900 đồng, tiền lãi là 377.396.400 đồng, lãi quá hạn là 488.098.500 đồng.

Để bảo đảm quyền lợi nên nay Công ty C khởi kiện yêu cầu:

1/ Chấm dứt các hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021, số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021, số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021, số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021, số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021.

2/ Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền cho thuê tài chính còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 4.754.589.800 đồng, trong đó nợ gốc là 3.889.094.900 đồng, tiền lãi là 377.396.400 đồng, lãi quá hạn là 488.098.500 đồng.

3/ Trong trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán nợ nêu trên cho Công ty TNHH một thành viên C, yêu cầu Công ty TNHH T dừng ngay việc sử dụng và giao trả ngay các tài sản cho thuê cho Công ty TNHH một thành viên C để tiến hành thủ tục bán thanh lý xử lý nợ, danh mục tài sản cho thuê được liệt kê cụ thể như sau:

03 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC mang các biển kiểm soát AC, AE và AD

02 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi mang các biển kiểm soát XM và XN

01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Komatsu mang biển kiểm soát XC

4/ Kể từ ngày 30/8/2025, Công ty TNHH T vẫn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021, số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021, số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021, số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021, số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021.

5/ Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán nợ tiền thuê tài chính theo quy định trong các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thì Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán tiếp số nợ còn thiếu cho Công ty TNHH một thành viêC cho thuê tài chính Ngân hàng C.

Tại đơn khởi kiện, Công ty C còn yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202105006 ký ngày 06/5/2021 và yêu cầu Công ty T thanh toán giá trị mua lại 63.800.000 đồng, phí thanh lý trước hạn 129.469.800 đồng và giao trả xe máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi mang biển kiểm soát XA. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty C rút lại các yêu cầu khởi kiện này.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải chịu và hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

Công ty T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng cho thuê tài chính trong hoạt động kinh doanh giữa một bên là tổ chức có chức năng cho thuê tài chính và một bên là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại các hợp đồng cho thuê tài chính Công ty T1 xác định địa chỉ tại số A Đường N M, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Sở Tài Chính Thành phố H thì từ ngày 23/6/2023 Công ty T1 đã đổi tên thành Công ty TNHH T và có địa chỉ tại B Đường D, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Và theo kết quả xác minh của Ủy

ban nhân dân phường P, thành phố T thì Công ty T không treo biển hiệu và không có dấu hiệu hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202105006 ký ngày 06/5/2021 và yêu cầu Công ty T thanh toán giá trị mua lại 63.800.000 đồng, phí thanh lý trước hạn 129.469.800 đồng và giao trả xe máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi mang biển kiểm soát XA. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính và trả số tiền thuê:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 08/4/2021, các bên đã ký hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202104012 để thuê 02 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, mang các biển kiểm soát AB, AC, giá trị tài sản thuê là 2.839.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 501.000.000 đồng). Thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê là 10%/năm. Ngày 29/4/2021 bị đơn đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán bị đơn có ký cược số tiền là 167.000.000 đồng.

Ngày 31/5/2021, các bên đã ký hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202105051 để thuê 02 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, mang các biển kiểm soát AD, AE, giá trị tài sản thuê là 2.839.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 501.000.000 đồng). Thời hạn thuê 60 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là

10%/năm. Ngày 16/6/2021 bị đơn đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán bị đơn có ký cược số tiền là 167.000.000 đồng.

Ngày 21/6/2021, các bên đã ký hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202106021 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, mang biển kiểm soát XB, giá trị tài sản thuê là 1.776.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 592.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 10%/năm. Ngày 25/6/2021 bị đơn đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán bị đơn có ký cược số tiền là 118.400.000 đồng.

Ngày 11/10/2021, các bên đã ký hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202110009 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI, mang biển kiểm soát XN, giá trị tài sản thuê là 1.425.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 475.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 9,5%/năm. Ngày 14/10/2021 bị đơn đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán bị đơn có ký cược số tiền là 95.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2021, các bên đã ký hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202110041 để thuê 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU, mang biển kiểm soát XC, giá trị tài sản thuê là 1.484.250.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 494.750.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 9,5%/năm. Ngày 02/11/2021 bị đơn đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán bị đơn có ký cược số tiền là 98.950.000 đồng.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng với khoản 41 Điều 4; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 120 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty C thuê tài chính; khoản 18, khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi nhận các tài sản thuê, bị đơn thanh toán tiền thuê không đúng hạn theo thỏa thuận, cụ thể:

Đối với Hợp đồng số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 5/2021 đến kỳ thanh toán tháng 02/2024 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 2.223.883.600 đồng và tiền lãi là 560.874.550 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 10/3/2024 bị đơn ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 6/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 1.466.817.700 đồng và tiền lãi là 576.380.500 đồng. Đến kỳ

thanh toán tiền thuê ngày 15/02/2024 bị đơn ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 6/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 1.147.000.000 đồng và tiền lãi là 332.377.100 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 15/02/2024 bị đơn ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 11/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 801.562.500 đồng và tiền lãi là 253.205.600 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 20/02/2024 bị đơn ngưng không thanh toán cho đến nay.

Đối với Hợp đồng số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021: Từ kỳ thanh toán tháng 11/2021 đến kỳ thanh toán tháng 01/2024 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 834.891.300 đồng và tiền lãi là 255.661.700 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê ngày 22/02/2024 bị đơn ngưng không thanh toán cho đến nay.

Ngày 06/6/2024, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt các hợp đồng và thu hồi tài sản, yêu cầu Công ty T giao trả tài sản thuê.

Số tiền Công ty T còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 của các hợp đồng là 4.754.589.800 đồng, trong đó nợ gốc là 3.889.094.900 đồng, tiền lãi là 377.396.400 đồng, lãi quá hạn là 488.098.500 đồng. Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại điều 15, điều 17 của các hợp đồng cho thuê tài chính, không thanh toán tiền thuê đúng hạn nên nay Công ty C yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính và Công ty T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty T còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký.

Sau khi Công ty T thanh toán đầy đủ số tiền thuê thì Công ty C có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã ký cược còn lại cho Công ty T.

[4.2] Xét yêu cầu giao trả tài sản thuê:

Ngày 12/4/2021 Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 020854, biển số AC đối với xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, số khung LZZ1EXSB7MN760657, số máy D103850201207018717 cho Công ty C.

Ngày 02/6/2021 Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 047775, biển số AD đối với xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, số khung LZZ1EXSB2MN877675, số máy D103850210307032747 cho Công ty C.

Ngày 02/6/2021 Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 047776, biển số AE đối với xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, số khung LZZ1EXSBXMN877665, số máy D103850210307045057 cho Công ty C.

Ngày 25/6/2021 Phòng Quản lý vận tải đường bộ Sở Giao thông vận tải Thành phố H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 13908/XMCD, biển số XB đối với máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số khung HCMDDEF3A00053005, số động cơ 6HK1587650 cho Công ty C.

Ngày 15/10/2021 Phòng Quản lý vận tải đường bộ Sở Giao thông vận tải Thành phố H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 14056/XMCD, biển số XN đối với máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số khung HCM1U100C00223380, số động cơ 704550 cho Công ty C.

Ngày 02/11/2021 Phòng Quản lý vận tải đường bộ Sở Giao thông vận tải Thành phố H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 14117/XMCD, biển số XC đối với máy đào bánh xích, nhãn hiệu Komatsu, số khung KMTPC197V02355656, số động cơ 6D10726108718 cho Công ty C.

Như vậy, Công ty C là chủ sở hữu của các tài sản này. Theo các hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021, số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021, số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021, số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021 và số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021 thì các tài sản này Công ty C cho Công ty T thuê. Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 17 của các hợp đồng cho thuê tài chính nên Công ty C yêu cầu thu hồi các tài sản thuê này là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, Công ty T chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty C đã nộp tạm ứng chi phí này nên Công ty T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty C.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty C được chấp nhận nên bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.754.590 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty C.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 335, Điều 338, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng với khoản 41 Điều 4; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 120 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty cho thuê tài chính;

- Căn cứ khoản 18, khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên C đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202105006 ký ngày 06/5/2021 và yêu cầu Công ty T thanh toán giá trị mua lại 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm ngàn) đồng, phí thanh lý trước hạn 129.469.800 (một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm) đồng và giao trả xe máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi mang biển kiểm soát XA.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên C:

2.1 Chấm dứt các hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021, số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021, số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021, số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021, số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021.

2.2 Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền cho thuê tài chính còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 của các hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021, số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021, số SBL010202106021 ký ngày

21/6/2021, số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021, số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021 là 4.754.589.800 (bốn tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín ngàn tám trăm) đồng, trong đó nợ gốc là 3.889.094.900 (ba tỷ tám trăm tám mươi chín triệu không trăm chín mươi bốn ngàn chín trăm) đồng, tiền lãi là 377.396.400 (ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng, lãi quá hạn là 488.098.500 (bốn trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi tám ngàn năm trăm) đồng.

2.3 Kể từ ngày 30/8/2025, Công ty TNHH T vẫn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký nêu trên.

2.4 Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nêu trên, buộc Công ty TNHH T giao trả các tài sản thuê cho Công ty TNHH một thành viên C để thanh lý, thu hồi nợ, cụ thể:

+ 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, số khung LZZ1EXSB7MN760657, số máy D103850201207018717, biển số AC

+ 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, số khung LZZ1EXSB2MN877675, số máy D103850210307032747, biển số AD

+ 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu CNHTC, số khung LZZ1EXSBXMN877665, số máy D103850210307045057, biển số AE

+ 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số khung HCMDDEF3A00053005, số động cơ 6HK1587650, biển số XB

+ 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Hitachi, số khung HCM1U100C00223380, số động cơ 704550, biển số XN

+ 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Komatsu, số khung KMTPC197V02355656, số động cơ 6D10726108718, biển số XC

2.5 Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán nợ tiền thuê tài chính theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính viện dẫn trên và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thì Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn nợ cho Công ty TNHH một thành viên C

3/ Ngay sau khi Công ty TNHH T thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên cho Công ty TNHH một thành viên C thì Công ty TNHH một thành viên C có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH T số tiền ký cược còn lại của các hợp đồng cho thuê tài chính, cụ thể:

Số tiền ký cược còn lại của hợp đồng số SBL010202104012 ký ngày 08/4/2021 là 507.500 (năm trăm lẻ bảy ngàn năm trăm) đồng

Số tiền ký cược còn lại của hợp đồng số SBL010202105051 ký ngày 31/5/2021 là 60.688.000 (sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn) đồng.

Số tiền ký cược còn lại của hợp đồng số SBL010202106021 ký ngày 21/6/2021 là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Số tiền ký cược còn lại của hợp đồng số SBL010202110009 ký ngày 11/10/2021 là 1.164.300 (một triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm) đồng.

Số tiền ký cược còn lại của hợp đồng số SBL010202110041 ký ngày 28/10/2021 là 2.415.700 (hai triệu bốn trăm mười lăm ngàn bảy trăm) đồng.

4/ Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Công ty TNHH một thành viên C đã nộp tạm ứng số tiền này nên Công ty TNHH T có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH một thành viên C.

5/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T phải nộp 112.754.590 (một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền tạm ứng án phí 76.625.717 (bảy mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm mười bảy) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079045 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy